TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 125/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: V Th K T, sinh năm: 1992. Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh TG (có mặt);

2. Bị đơn: Ng M H, sinh năm: 1989. Địa chỉ: ấp M, xã ML, huyện CL, tỉnh TG (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 12/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Chị và anh Ng M H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năn 2012. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, chị kiên nhẫn chịu đựng nhưng mâu thuẩn ngày càng gay gắt nên ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: xin ly hôn với anh H;

- Về con chung: Có 01 con chung tên Ng Ng Y Tr, sinh ngày 10/11/2013 chị T yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 20/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ng M H trình bày:***

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng sự thật. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T vì tình cảm không còn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Ng Ng Y Tr, sinh ngày 10/11/2013 anh đồng ý giao cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T vì công việc không ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị T và anh H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, nay chị T xin ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T, anh H chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 04 năm nay. Tại phiên tòa chị T cương quyết ly hôn và được anh H đồng ý. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận chị T và anh H thuận tình ly hôn với nhau.

2.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H về việc giao con chung tên Ng Ng Y Tr, sinh ngày 10/11/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng: Xét chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng, so với nhu cầu tối thiểu cho cháu Tr hiện nay là không cao, nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của con và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh H phải có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Ng Ng Y Tr, sinh ngày 10/11/2013 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V Th K T.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận chị V Th K T và anh Ng M H thuận tình ly hôn với nhau;

2. Về con chung: Giao con chung tên Ng Ng Y Tr, sinh ngày 10/11/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Ng M H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Ng Ng Y Tr, sinh ngày 10/11/2013 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16506 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên chị T đã nộp xong án phí. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TG;*
- *VKSND huyện CL;*
- *THADS huyện CL;*
- *UBND xã NB, huyện CT;*
- *UBND xã ML*
- *Các đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc